

CHÍNH PHỦ
Số: 71/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định về quản lý đầu tư xây dựng đối với các công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp và công trình tạm (sau đây gọi là công trình đặc thù).
- Việc quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ.

Điều 2. Các loại công trình đặc thù

- Công trình bí mật nhà nước là công trình xây dựng thuộc các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác thuộc danh mục bí mật nhà nước, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.
- Công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp là công trình phải được xây dựng và hoàn thành kịp thời, để phòng, chống thiên tai và dịch họa, ngăn chặn và hạn chế thiệt hại, đáp ứng yêu cầu của lệnh khẩn cấp do người có thẩm quyền ban hành theo

pháp luật về tình trạng khẩn cấp, tình huống khẩn cấp và pháp luật khác có liên quan đến yêu cầu khẩn cấp.

3. Công trình tạm bao gồm:

a) Công trình tạm phục vụ thi công công trình chính là công trình của chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng trên mặt bằng công trường xây dựng, gồm: nhà văn phòng làm việc, nhà ở cho cán bộ công nhân viên tại công trường, kho tàng, nhà sản xuất tại chỗ phục vụ thi công xây dựng, các công trình dẫn dòng thi công, đường thi công, công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ khác phục vụ hoạt động của công trường xây dựng;

b) Công trình, nhà ở riêng lẻ được xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt nhưng chưa thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng.

Điều 3. Hành vi bị nghiêm cấm

Nghiêm cấm việc áp dụng cơ chế quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù đối với công trình không đủ điều kiện là công trình đặc thù được quy định tại Điều 2 Nghị định này. Người vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÔNG TRÌNH BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 4. Quy hoạch xây dựng công trình bí mật nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý và chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, địa phương, ngành gắn với việc xây dựng, bảo vệ công trình bí mật nhà nước.

2. Quy hoạch xây dựng công trình quốc phòng và khu quân sự do Bộ Quốc phòng lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

3. Quy hoạch xây dựng công trình an ninh và khu vực an ninh do Bộ Công an lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Pháp lệnh về lực lượng an ninh nhân dân.

4. Các ngành có hình thành mạng lưới các công trình bí mật nhà nước thuộc ngành trong phạm vi cả nước và các địa phương (cấp tỉnh) có hình thành hệ thống các công trình bí mật nhà nước, cần lập quy hoạch xây dựng các công trình bí mật, phối hợp với Bộ Công an thẩm định độ mật trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để định hướng đầu tư và phát triển dự án theo kế hoạch. Trường hợp chỉ đầu tư các công trình riêng lẻ, không có tính hệ thống, mạng lưới thì không cần lập quy hoạch xây dựng các công trình bí mật nhà nước.

Điều 5. Lập Báo cáo đầu tư xây dựng công trình bí mật nhà nước và xin phép đầu tư

1. Căn cứ danh mục bí mật nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành, Bộ trưởng, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người có trách nhiệm hoặc người được uỷ quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước tổ chức lập Báo cáo đầu tư xây dựng công trình, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép đầu tư dự án và quyết định người quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước.

Đối với công trình bí mật nhà nước không thuộc các danh mục bí mật nhà nước đã được cấp có thẩm quyền ban hành thì phải có ý kiến thẩm định của Bộ Công an về độ mật trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép đầu tư. Riêng đối với công trình bí mật quốc phòng thì thẩm quyền lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình và cho phép đầu tư được thực hiện theo phân cấp tại Pháp lệnh về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Nội dung Báo cáo đầu tư xây dựng công trình ngoài các nội dung được quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình còn phải có các nội dung sau:

a) Mức độ bí mật của công trình.

b) Đề xuất người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện chức năng của chủ đầu tư và một số chức năng của cơ quan quản lý nhà nước được quy định tại Nghị định này.

c) Cơ chế kiểm soát nhà nước theo yêu cầu bí mật của công trình.

Điều 6. Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình bí mật nhà nước

1. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình bí mật nhà nước:

- a) Dự án đầu tư xây dựng công trình bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh được lập phù hợp với quy hoạch xây dựng quốc phòng, an ninh đã được duyệt.
- b) Dự án đầu tư xây dựng công trình bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực khác của các ngành và địa phương được lập phù hợp với quy hoạch xây dựng công trình bí mật (nếu có) hoặc quy hoạch xây dựng của ngành và địa phương. Trường hợp chưa có quy hoạch được duyệt phải giải trình rõ trong Báo cáo đầu tư xây dựng công trình để được Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép đầu tư.
- c) Dự án đầu tư xây dựng công trình bí mật nhà nước được mã hoá tên dự án và các thông tin phải giữ bí mật và được giải mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

2. Người được Thủ tướng Chính phủ giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật là chủ đầu tư, có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh dự án phù hợp với nội dung được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư, bao gồm cả thiết kế cơ sở công trình bí mật nhà nước. Trường hợp cần thiết được huy động tổ chức và cá nhân khác tham gia thực hiện một số công việc lập và thẩm định dự án, nhưng phải bảo đảm yêu cầu bảo mật nhà nước.

Điều 7. Khảo sát, thiết kế xây dựng công trình

- 1. Người được giao quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình bí mật căn cứ vào tính chất và quy mô công trình để quyết định số bước thiết kế công trình, tự tổ chức việc khảo sát, thiết kế, thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình.
- 2. Hồ sơ khảo sát, thiết kế được đánh mã số trên báo cáo khảo sát và trên bản vẽ thiết kế.

Điều 8. Yêu cầu đối với công trường xây dựng

- 1. Tại công trường xây dựng công trình bí mật nhà nước không yêu cầu phải có biển báo như quy định đối với công trình xây dựng khác.

2. Những người tham gia xây dựng công trình phải có nhân thân phù hợp với trách nhiệm công việc đảm nhận và chịu sự kiểm soát khi ra, vào công trường.

3. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước phải xây dựng Quy chế để bảo vệ công trường theo chế độ bí mật trong suốt thời gian thi công xây dựng công trình.

Điều 9. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Tùy theo tính chất, quy mô và mức độ mật của dự án, người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình thành lập Ban quản lý dự án đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định để quản lý thực hiện dự án.

2. Người được giao quản lý, thực hiện dự án được chỉ định các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực và tín nhiệm để thực hiện các công việc liên quan đến dự án đầu tư xây dựng công trình bí mật và phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

3. Những nội dung về quản lý chất lượng xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Việc giám sát, nghiệm thu chất lượng xây dựng do người được giao quản lý tổ chức thực hiện, không tổ chức hội đồng nghiệm thu nhà nước.

Trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình thực hiện dự án thì người được giao quản lý phải trực tiếp giải quyết, xử lý hoặc báo cáo người có thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này để xử lý. Trình tự giải quyết và hình thức xử lý sự cố công trình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

4. Sau khi nghiệm thu công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng, người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước có trách nhiệm:

a) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thành công trình.

b) Lưu trữ, quản lý, khai thác hồ sơ tài liệu dự án, công trình theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.